

Bản án số: 92/2025/DS-PT.

Ngày: 24/3/2025.

V/v Tr/c hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương;**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương;**

Ông Vũ Thế Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Thế Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ1**

Địa chỉ: Số B N, phường T, Q. H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng Trung N** - Chức vụ: Phó Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Nhật T** – chức vụ: Chuyên viên tổ tụng – Phòng quản lý khách hàng KV Miền T-Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

* Bị đơn: 1. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1963.

2. Ông **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ.

(Ông T, bà H và ông Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ1 - ông Nguyễn Nhật T trình bày:**

Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ cùng Ngân hàng P1 nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 – chi nhánh K (P) đã cùng ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1209/2011/HĐHM-CN.RG ngày 14/9/2011 cùng khế ước nợ như sau:

- KUNN ngày 12/3/2012
- Thời hạn vay/cấp hạn mức: 06 tháng
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh thu mua hải sản
- Số tiền thực tế giải ngân: 500.000.000 đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: 500.000.000 đồng

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1209/2011/HĐTC-CN.RG ngày 14/9/2011 để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 299719, sổ vào sổ CH00119 do UBND huyện C cấp ngày 19/5/2010 cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ để thế chấp tài sản chi tiết như sau:

+ Tài sản: Quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 299719, sổ vào sổ CH00119 do UBND huyện C cấp ngày 19/5/2010 cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ; thửa đất số 528; Tờ bản đồ số 18; Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Diện tích: 117,6m²; thời hạn sử dụng: lâu dài; Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn

+ Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Diện tích xây dựng: 97,74m²; Kết cấu: Khung cột BTCT, vách xây, nền gạch, mái tole; Năm xây dựng: 1999.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Phòng tài nguyên môi trường huyện C, tỉnh Kiên Giang – Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh Kiên Giang ngày 14/9/2011.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. P đã nhiều lần thông báo, gửi công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho P xử lý đúng quy định nhưng ông bà vẫn không thực hiện yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay thì bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ chỉ trả cho P số tiền lãi tổng cộng là 29.435.927 đồng.

Tính đến ngày 11/11/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ còn nợ Ngân hàng P cụ thể như sau:

- Nợ gốc chưa trả: 500.000.000 đồng
- Nợ lãi: 2.246.631.851 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn: 56.267.778 đồng; Lãi quá hạn: 2.190.364.073 đồng.

Tổng cộng: 2.746.631.851 đồng.

** Tại phiên toà sơ thẩm ông Nguyễn Nhật T có ý kiến:*

1. Buộc bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ liên đới thanh toán cho P tổng số tiền: 2.746.631.851 đồng; trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 56.267.778 đồng; Lãi quá hạn: 2.190.364.073 đồng.

2. Buộc bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 12/11/2024 theo lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1209/2011/HĐHM-CN.RG ngày 14/9/2011 cho đến khi bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ thanh toán xong các khoản nợ.

3. Nếu bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P yêu cầu buộc bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ phải giao tài sản chiếu theo thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 299719, số vào sổ CH00119 do UBND huyện C cấp ngày 19/5/2010 cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ để cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ đối với P. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho P.

*** Bị đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ có ý kiến:**

Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng nhưng là vay tiền của Ngân hàng P2 chứ không có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ1. Bà và ông Đ chỉ thừa nhận còn nợ tiền đã vay của ngân hàng P1 với số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà và ông Đ không đồng ý trả cho Ngân hàng với các lý do:

- Bà H và ông Đỗ Văn Đ không biết chuyển sáp nhập giữa các Ngân hàng mà bà và ông Đ chỉ vay của ngân hàng P2 cho nên bà không biết Ngân hàng TMCP Đ1 nên bà và ông Đ không đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 do bà không có vay của Ngân hàng TMCP Đ1.

- Nếu buộc trả tiền cho Ngân hàng TMCP Đ1 thì chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 500.000.000 đồng;

- Không đồng ý trả phần lãi cho ngân hàng với lý do ngân hàng đã hơn 10 năm mới đi khởi kiện đòi tiền bà và ông Đ.

- Không thống nhất giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng nếu bà và ông Đ không thanh toán nợ cho Ngân hàng với lý do trên đất còn các ngôi mộ của gia đình bà và ông Đ. Chỉ thống nhất giao căn nhà mà thôi.

- Nhưng hiện tại do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, kinh doanh không được thuận lợi nên xin trả dần cho ngân hàng với số tiền 5.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi dứt nợ đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng.

*** Tại Bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 (P) buộc bị đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) số tiền **2.746.631.851 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

2. Trong trường hợp bị đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) thì phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 299719, số vào sổ CH00119 do UBND huyện C cấp ngày 19/5/2010 cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ.

3. Nếu phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) thì bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ vẫn phải tiếp tục trả nợ và phải thanh toán cho ngân hàng tiền nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tuyên án đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Sau khi bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) thì Ngân hàng TMCP Đ1 (P) có trách nhiệm trả lại các tài sản đã thế chấp nêu trên cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo luật định.

*** Ngày 20/11/2024, bị đơn bà Lê Thị H, ông Đỗ Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung:** Bà Lê Thị H, ông Đỗ Văn Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng không trả phần lãi cho ngân hàng do Ngân hàng Phương T1 tuyên bố phá sản có bàn giao tài sản cho Ngân hàng nào thì bà H, ông Đ hoàn toàn không hay biết, thời gian kéo dài nợ của ngân hàng là 12 năm mà bản thân ông bà không nhận được văn bản nào từ ngân hàng để trả gốc và lãi. Bà H, ông Đ xin trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 56.267.778 đồng. Tổng cộng là 556.267.778 đồng và xin trả hết trong 03 tháng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Ngân hàng TMCP Đ1 (P) và bà Lê Thị H, ông Đỗ Văn Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Hai bên thống nhất ông Đ, bà H còn nợ gốc: 500.000.000 đồng;

Ngân hàng giảm tiền lãi, bà H, ông Đ thống nhất trả tổng số tiền lãi sau khi đã giảm (trong số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.555.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản nợ gốc và lãi là 2.055.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đ, bà H đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi trả xong nợ vay cho Ngân hàng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa đại diện Ngân hàng với ông Đ, bà H đã thỏa thuận với nhau bà H, ông Đ thống nhất trả số tiền gốc và lãi là 2.055.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi trả xong nợ vay cho Ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 – Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục:

[1.1]. Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ kháng cáo trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Đối tượng tranh chấp trong vụ án phát sinh từ giao dịch hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay - Ngân hàng TMCP Đ1 là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng với bên vay là khách hàng cá nhân – bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp về dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật tuy nhiên cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” mới phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Lê Thị H, ông Đỗ Văn Đ và Ngân hàng P1 nay là Ngân hàng TMCP Đ1 - chi nhánh K (sau đây ghi tắt là Ngân hàng) thỏa thuận ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1209/2011/HĐHM-CN.RG ngày 14/9/2011 KUNN

ngày 12/3/2012; Thời hạn vay/cấp hạn mức: 06 tháng, Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh thu mua hải sản, số tiền thực tế giải ngân: 500.000.000 đồng. Để đảm bảo hợp đồng vay bà H và ông Đ đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 1209/2011/HĐTC-CN-RG ngày 14/9/2011 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 299719, sổ vào sổ CH00119 do UBND huyện C cấp ngày 19/5/2010 cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 14/9/2011 đến ngày 12/8/2012 (ngày đóng lãi cuối cùng) thì bà H và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trong hợp đồng. Đến ngày 07/4/2023, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H và ông Đ phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.2]. Thấy rằng: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1209/2011/HĐHM-CN.RG ngày 14/9/2011 ký kết giữa Ngân hàng P1 nay là Ngân hàng TMCP Đ1 – chi nhánh K (P) với bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ là thỏa thuận tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không trái đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận giữa Ngân hàng với bà H, ông Đ về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân số tiền vay cho bà H, ông Đ và ông bà đã nhận được tài sản nhưng kể từ khi vay cho đến nay thì phía bà H, ông Đ chỉ đóng lãi cho ngân hàng số tiền là 29.435.927 đồng, chưa thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng nên đã làm phát sinh nợ quá hạn. Như vậy, bà H và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại 466 Bộ luật dân sự.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/08/2020 (BL 116-118); Biên bản làm việc ngày 09/5/2021 (BL 01-02) giữa Ngân hàng với ông Đ, bà H; Đơn xin miễn giảm lãi suất ngân hàng ngày 09/01/2022 (BL 110) và bản tự khai ngày 26/8/2024 (BL 155) của bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ có thể hiện nội dung: *Bà H và ông Đ xác nhận có nợ ngân hàng số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi nhưng do nay số tiền gốc và lãi đã quá nhiều mà bản thân đã lớn tuổi, mất sức lao động và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn lãi suất quá hạn”.*

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả Ngân hàng số tiền 2.746.631.851 đồng tính lãi đến ngày xét xử 11/11/2024 (ngày xét xử) trong đó vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/11/2024 gồm lãi trong hạn là 56.267.778 đồng; Lãi quá hạn: 2.190.364.073 đồng và phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Ông Đ, bà H kháng cáo xin miễn giảm tiền lãi, xin trả tiền gốc và lãi trong hạn số tiền 556.267.778 đồng.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa đại diện Ngân hàng TMCP Đ1 (P) và bà Lê Thị H, ông Đỗ Văn Đ đã thỏa thuận được với nhau về hướng giải quyết vụ án:

Hai bên thống nhất số nợ ông Đ, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng như sau: Nợ gốc : 500.000.000 đồng; Nợ tiền lãi sau khi đã giảm (trong số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.555.000.000 đồng. Tổng cộng số nợ là 2.055.000.000 đồng.

Ông Đ, bà H đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.4]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ 2.055.000.000 đồng phải thanh toán cho Ngân hàng, án phí là 73.100.000 đồng. Do tại thời điểm xét xử phúc thẩm, ông Đ và bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H, ông Đ được miễn nộp án phí.

+ Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 tiền tạm ứng án phí 46.500.000 đồng theo Biên lai số 0005510 ngày 11/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Do bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Trả lại cho ông Đỗ Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0010335 ngày 20/11/2024 (Lê Thị H nộp thay).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Sửa Bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 157, Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 323, Điều 351, Khoản 1 Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các

Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự tự thỏa thuận giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 (P) với bị đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ:

Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) số tiền nợ gốc và lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 11/11/2024) là 2.055.000.000 (Hai tỷ không trăm năm mươi lăm triệu) đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng, tiền lãi là 1.555.000.000 (*Một tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu*) đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Sau khi bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) thì Ngân hàng TMCP Đ1 (P) có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ.

3. Trường hợp bị đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) thì Ngân hàng TMCP Đ1 (P) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1209/2011/HĐTC-CN.RG ngày 14/9/2011 tại Phòng tài nguyên môi trường huyện C, tỉnh Kiên Giang – Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh Kiên Giang. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 299719, số vào sổ CH00119 do UBND huyện C cấp ngày 19/5/2010 cho bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

4. Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) thì bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền tạm ứng án phí 46.500.000 (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0005510 ngày 11/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị H và ông Đỗ Văn Đ được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Đỗ Văn Đ 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0010335 ngày 20/11/2024 (Lê Thị H nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hương